

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/ 2014/ QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/ 11/ 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/ QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/ 6/ 2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/ QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2011;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 20/ 5/ 2015;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội ngày 25 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty năm 2018. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Điều 3: Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2019

4.1. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các nội dung:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng
1	Sản lượng, cơ cấu cấp nước đầu vào.				
	Sản lượng nước tự sản xuất	m3	14.029.443	13.080.700	- 6,76%
	Sản lượng nước mua	m3	29.283.335	30.902.721	5,53%
	Tổng lượng cấp vào mạng	m3	43.312.778	43.983.421	1,55%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tăng trưởng
	<i>Sản lượng nước thu được tiền</i>	<i>m3</i>	<i>39.357.774</i>	<i>39.952.359</i>	<i>1,51%</i>
2	Doanh thu tiền nước (bao gồm thuế, phí	Đồng	406.232.357.690	408.000.000.000	0,44%
3	Tổng doanh thu thuần (không bao gồm thuế, phí)	Đồng	398.028.896.367	408.026.000.000	2,51%
3.1	Doanh thu kinh doanh sản xuất, cấp nước	Đồng	359.933.375.754	360.980.361.695	0,29%
3.2	Doanh thu xây lắp và thiết kế	Đồng	22.412.133.975	39.974.545.455	78,36%
3.3	Doanh thu tài chính, khác	Đồng	15.683.386.638	7.071.092.850	-54,91%
4	Tổng chi phí	Đồng	382.087.693.677	391.857.320.000	2,56%
	Chi phí kinh doanh sản xuất, cấp nước	Đồng	351.579.752.436	352.835.916.532	0,36%
	Chi phí hoạt động thiết kế xây lắp.	Đồng	22.121.765.229	38.454.739.188	73,83%
	Chi phí khác	Đồng	8.386.176.012	566.664.279	-93,24%
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.941.202.690	16.168.680.000	1,44%
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.744.612.521	12.934.944.000	1,50%
7	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	Đồng	112,217	113,868	1,651
	- Chưa trích lập các quỹ	Đồng	224,34	227,72	3,38
	- Đã trích lập các quỹ	Đồng	112,17	113,86	1,69

4.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, củng cố cơ sở vật chất 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước	Tr. đồng	170.439	
1	Dự án chuyển tiếp	Tr. đồng	81.464	
2	Dự án mới 2019	Tr. đồng	88.975	
II	Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	Tr. đồng	4.850	
III	Cải tạo sửa chữa, củng cố cơ sở vật chất	Tr. đồng	4.800	
	Tổng cộng	Tr. đồng	180.089	

Điều 5: Thông qua Báo cáo thành lập Trung tâm chăm sóc khách hàng; Mô hình tổ chức Công ty giai đoạn 2019 – 2020 (Mô hình tổ chức kèm theo).

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

6.1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Tổng doanh thu	Đồng	398.028.896.367
2	Tổng chi phí	Đồng	382.087.693.677
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.941.202.690
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	3.196.590.169
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	Đồng	12.744.612.521
6	Lợi nhuận ảnh hưởng theo kết quả KTNN	Đồng	-649.320.950
7	Lợi nhuận phân phối kỳ này	Đồng	12.095.291.571
8	Trích lập các quỹ:	Đồng	
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	
	- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	6.047.645.786
9	Chi trả cổ tức (1,065 % vốn điều lệ)	Đồng	6.047.645.785
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	0

6.2. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	12.934.944.000
	- Lợi nhuận sau thuế năm nay	Đồng	12.934.944.000
	- Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	0
2	Trích lập các quỹ	Đồng	
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
	- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	6.467.472.000
3	Chi trả cổ tức (1,138 % vốn điều lệ)	Đồng	6.467.472.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	0

Điều 7: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Điều 8: Thông qua mức thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019 như sau:

- Hội đồng quản trị

- + Chủ tịch HĐQT: 7.200.000 đồng/ người/ tháng
- + Thành viên HĐQT: 5.400.000 đồng/ người/ tháng
- Ban kiểm soát
 - + Thành viên Ban Kiểm soát: 2.700.000 đồng/ người/ tháng
- Phương thức trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: thực hiện tạm thanh toán 80% theo quý và quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giữ nguyên cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 04 thành viên. Việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trong kỳ Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông Công ty đã nghe báo cáo việc Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội theo trình tự thủ tục qui định.

Điều 11: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- BTC (để báo cáo);
- Lưu TC-HC./.

Đặng Ngọc Hải